

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái* tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 16-02-2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Bàn Thị C** – sinh năm 1992

Địa chỉ: **Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Hoàng Văn K** – sinh năm 1986

Địa chỉ: **Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2024, các lời khai tiếp theo nguyên đơn **Bàn Thị C** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Hoàng Văn K** kết hôn vào ngày 27-10-2010 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **K** thường xuyên chửi và ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân một năm nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh **K** có 04 con là **Hoàng Thị C1**, sinh ngày 28-9-2008; **Hoàng Thị L**, sinh ngày 19-11-2010; **Hoàng Thị Thúy K1**, sinh ngày 08-9-2014 và **Hoàng Văn A**, sinh ngày 03-7-2016. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 con, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 500.000đ/tháng/một con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai và phiên tòa bị đơn **Hoàng Văn K** đồng ý về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn với nội dung như chị **C** trình bày. Quá trình chung sống thực tế do chị **C** đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình và có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị **C** có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xác định tình cảm vẫn còn, anh **K** không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị **C** có 04 con như chị **C** trình bày. Khi ly hôn, nếu anh trực tiếp nuôi dưỡng con cả 04 con thì anh yêu cầu chị **C** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền: 1.500.000đ/tháng/một con. Tại phiên tòa, anh yêu cầu chị **C** trực tiếp nuôi cả 04 con, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 500.000đ/tháng/một con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, chị **C** có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị **Bàn Thị C** được ly hôn với anh **Hoàng Văn K**.

Về con chung: giao cho anh **Hoàng Văn K** trực tiếp nuôi dưỡng con **Hoàng Thị C1**; **Hoàng Thị L**; **Hoàng Thị Thúy K1** và **Hoàng Văn A**, chị **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 800.000đ/tháng/một con. Tổng số tiền là: 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: chị **Bàn Thị C** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị **Bàn Thị C** và anh **Hoàng Văn K** kết hôn có đăng ký tại **UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64-2010 ngày 27-10-2010. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thừa nhận quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, mâu thuẫn kéo dài vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của các đương sự là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại **Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị **C** vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **C** và anh **K** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị **C** và anh **K** 04 con là **Hoàng Thị C1**, sinh ngày 28-9-2008; **Hoàng Thị L**, sinh ngày 19-11-2010; **Hoàng Thị Thúy K1**, sinh ngày 08-9-2014 và **Hoàng Văn A**, sinh ngày 03-7-2016. Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh của Tòa án, các con đang sinh sống có nơi ở và học tập ổn định tại **xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Do anh **K** đang trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình thuộc hộ nghèo, chị **C** chủ yếu đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Các con chung đa phần có nguyện vọng ở với bố, cháu **C1** có nguyện vọng ở với mẹ.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cả bốn con cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người cấp dưỡng là chị **C** (là công nhân thời vụ thu nhập bình quân: 7.000.000đ – 8.000.000đ/tháng) và nhu cầu thiết yếu của con tại địa phương

(theo kết quả xác minh: 1.500.000^d/tháng) thì với mức cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền: 800.000^d/tháng, là phù hợp. Anh **K** có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị **Bàn Thị C** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Bàn Thị C** được ly hôn với anh **Hoàng Văn K**.

2. Về con chung: giao cho anh **Hoàng Văn K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bốn con là **Hoàng Thị C1**, sinh ngày 28-9-2008; **Hoàng Thị L**, sinh ngày 19-11-2010; **Hoàng Thị Thúy K1**, sinh ngày 08-9-2014 và **Hoàng Văn A**, sinh ngày 03-7-2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị **Bàn Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 800.000^d (tám trăm nghìn đồng)/tháng/một con. Tổng số tiền là: 3.200.000^d (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 05-2024 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị **Bàn Thị C** phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0001627 ngày 16-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị **C** còn phải nộp số tiền: 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: anh **K** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị **C** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- **T**;
- **UBND xã M**;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Lâm Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA